

Số: 196/BC-HĐND

Gia Lai, ngày 05 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra các báo cáo của UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ Chín.

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh để chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ Chín, Ban Pháp chế HĐND tỉnh đã tổ chức phiên họp để xem xét thẩm tra các báo cáo của UBND tỉnh thuộc lĩnh vực nội chính, báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp.

Tại phiên họp, sau khi nghe đại diện lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trình bày các báo cáo, dự thảo nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan; các vị đại biểu, Lãnh đạo và các Ủy viên Ban Pháp chế HĐND tỉnh thảo luận, thống nhất nội dung báo cáo kết quả thẩm tra cụ thể như sau:

I. THẨM TRA CÁC BÁO CÁO

1. Báo cáo số 34/BC-TA ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh

6 tháng đầu năm 2019, Tòa án nhân dân hai cấp đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, ngành đã thụ lý 4.196 vụ án các loại đã giải quyết 2.387 vụ, tỷ lệ giải quyết đạt 57%. Công tác thi hành án hình sự được đảm bảo, đã ban hành quyết định thi hành 100% bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cơ bản kịp thời, đúng hạn luật định; việc tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm được Tòa án nhân dân hai cấp quan tâm, chú trọng thực hiện đúng hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án, đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu cải cách tư pháp (đã tổ chức 35 phiên Tòa: TAND tỉnh 02 phiên; TAND huyện 33 phiên).

Trong quá trình giải quyết các loại án theo thủ tục tố tụng hành chính, tố tụng dân sự, các tòa án luôn tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, Tòa án nhân dân hai cấp đã tích cực hòa giải, đối thoại nên tỷ lệ hòa giải thành đạt cao (đạt tỷ lệ 66,6%), góp phần ổn định tình hình đoàn kết trong nội bộ nhân dân, cũng như giữa nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước.

Bên cạnh kết quả đạt được, Ban Pháp chế nhận thấy tỷ lệ giải quyết án hành chính đạt thấp (đạt 21,9%), trong số án đã giải quyết vẫn còn án bị hủy, sửa và án quá

hạn luật định (*án hủy 10,5 vụ, án sửa 09 vụ, án quá hạn luật định do lỗi chủ quan 06 vụ*). Qua hoạt động kiểm sát bản án, Viện Kiểm sát đã phát hiện trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân có 24 bản án hình sự sơ thẩm có vi phạm như Bản án không nêu rõ thời điểm bị cáo phạm tội bao nhiêu tuổi để áp dụng quy định đối với người dưới 18 tuổi khi phạm tội; hình thức bản án không đúng theo mẫu quy định; khoản thu lợi bất chính không được đề cập trong bản án; bản án tuyên án treo nhưng không tuyên hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách tại khoản 5, Điều 65 Bộ Luật Hình sự;... Đồng thời, trong báo cáo Tòa án chưa đánh giá được nguyên nhân của hạn chế, tồn tại, cũng như chất lượng tham gia xét xử của Hội thẩm nhân dân; chưa báo cáo công tác phối hợp với cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp trong việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc.

Ban đề nghị ngành Tòa án trong thời gian tới cần tiếp tục nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác xét xử, giải quyết các loại án, hạn chế án bị hủy, sửa, án để quá hạn luật định; khắc phục các vi phạm trong hoạt động xét xử. Phối hợp với cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc.

2. Báo cáo số 220/BC-VKS ngày 19/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đã đánh giá và chỉ ra một số nguyên nhân chủ yếu của tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân hai cấp đã tăng cường thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp kịp thời, chú trọng đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, nâng cao chất lượng bản án yêu cầu điều tra vụ án hình sự; không để xảy ra việc đình chỉ điều tra hay truy tố, xét xử oan sai; không có trường hợp nào Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội. Trực tiếp kiểm sát công tác tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đạt 75% kế hoạch; tỷ lệ trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng được khống chế ở mức thấp nhất (0,44%); chất lượng kháng nghị hình sự đạt 100%.

Qua công tác kiểm sát đã ban hành 106 kiến nghị yêu cầu các cơ quan tư pháp và cơ quan hữu quan khắc phục vi phạm, thiếu sót, tăng cường các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Ban Pháp chế thấy rằng: Viện kiểm sát nhân dân hai cấp trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ vẫn còn một số hạn chế như: Vẫn có án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, án dân sự bị hủy do lỗi chủ quan của Kiểm sát viên một số đơn vị cấp huyện; chưa đánh giá chất lượng các kiến nghị thông qua việc các cơ quan chức năng chấp nhận và khắc phục các kiến nghị. Tỷ lệ kháng nghị phúc thẩm được Tòa án nhân dân chấp nhận đạt tỷ lệ chưa cao (66,66%).

Ban Pháp chế đề nghị ngành Kiểm sát cần tăng cường hơn nữa chất lượng kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử để hạn chế thấp nhất các vụ án bị hủy do lỗi chủ quan của Kiểm sát viên; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất

lượng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên, nhất là quan tâm đến chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên Tòa theo tinh thần cải cách tư pháp.

3. Báo cáo số 729/BC-CTHADS ngày 14/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh

Cơ quan Thi hành án dân sự hai cấp đã có nhiều nỗ lực và cố gắng tích cực trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác thi hành án, kết quả 6 tháng đầu năm 2019 đã giải quyết xong về việc¹ đạt tỷ lệ 72%; giải quyết xong về tiền² đạt tỷ lệ 19,46%. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm, giải quyết kịp thời.

Tuy nhiên, giải quyết số tiền đủ điều kiện thi hành án tỷ lệ thấp (19,46%), số việc và tiền chuyển sang kỳ sau chiếm tỷ lệ còn cao³. Bên cạnh đó, Ban Pháp chế nhận thấy: Báo cáo của Cục thi hành án dân sự tỉnh chưa đánh giá những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thi hành án dân sự hai cấp; công tác phối hợp giữa cơ quan thi hành án dân sự hai cấp với một số cơ quan, ban ngành (*Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Ngân hàng,...*), cũng như sự chỉ đạo, giải quyết vướng mắc, khó khăn của Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh trong quá trình thực thi nhiệm vụ như thế nào.

Ngoài ra, qua kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân hai cấp cũng đã chỉ ra một số sai phạm trong hoạt động thi hành án dân sự như: Vẫn còn xảy ra vi phạm về quy trình, công vụ thi hành án, vi phạm trong cưỡng chế kê biên tài sản thi hành án, vi phạm việc ký hợp đồng với Trung tâm thẩm định giá ngoài tỉnh, vi phạm về thu phí thi hành án, vi phạm trong việc ra quyết định thi hành án không đúng với nội dung quyết định của bản án tuyên, chậm xác minh điều kiện thi hành án, vi phạm trong việc không mở sổ tiết kiệm gửi tiền chưa chi trả cho đương sự, Quyết định thi hành án thiếu căn cứ và thiếu điều luật, quyết định thi hành án theo đơn không có tên người được thi hành án, xác định việc chưa có điều kiện thi hành án không đúng, nhận ủy thác không đúng thẩm quyền,....

Vì vậy, Ban Pháp chế đề nghị Cục Thi hành án dân sự tỉnh cần bổ sung các nội dung nêu trên vào báo cáo để giúp đại biểu HĐND tỉnh, cử tri biết và giám sát. Đồng thời, cần có giải pháp khắc phục các sai phạm nêu trên, tăng cường hơn nữa công tác chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật đối với đội ngũ Chấp hành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ giải quyết thi hành án, hạn chế thấp nhất việc Chấp hành viên vi phạm quy định pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ.

¹ Tổng số việc thụ lý từ năm 2018 chuyển qua và thụ lý mới đến 31/5/2019: 12.867 việc; kết quả xác minh phân loại có 9.214 việc có điều kiện thi hành và 3.592 việc chưa có điều kiện thi hành. Đã giải quyết xong 5.388/9.214 việc (đạt tỷ lệ 58,48%).

² Tổng số tiền thụ lý từ năm 2018 chuyển qua và thụ lý mới đến 31/5/2019: 1.343.576.538 ngàn đồng; kết quả xác minh phân loại có 684.545.450 ngàn đồng có điều kiện thi hành, kết quả giải quyết xong 133.308.451/684.545.450 ngàn đồng đạt tỷ lệ 19,46%.

³ Số việc chuyển kỳ sau 7.418 việc, trong đó số việc có điều kiện nhưng chưa thi hành xong là 3.826 việc. Số tiền chuyển kỳ sau 1.188.965.532 ngàn đồng, trong đó số tiền có điều kiện nhưng chưa thi hành xong là 551.284.457 ngàn đồng.

4. Báo cáo số 75/BC-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh về tình hình công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019

Qua thẩm tra, Ban Pháp chế HĐND tỉnh nhận thấy: Công tác thanh tra, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2019 đạt nhiều kết quả, thể hiện trên các lĩnh vực như sau:

4.1. Công tác thanh tra, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo

- Công tác thanh tra tiếp tục được duy trì, toàn ngành đã triển khai 63 cuộc thanh tra tại 67 đơn vị (53 cuộc theo kế hoạch và 10 cuộc đột xuất) trên các lĩnh vực: Tài chính ngân sách; đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp và thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Qua thanh tra đã phát hiện sai phạm về tài chính với số tiền 4.357.957.000 đồng; đã chỉ đạo thu hồi nộp ngân sách nhà nước; chuyển 02 vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra⁴. Tổ chức kiểm điểm và xem xét trách nhiệm đối với 02 tập thể, 66 cá nhân, đã thu hồi số tiền nộp vào ngân sách nhà nước 3.264.552.000 đồng; qua đó từng bước phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng tham nhũng, tiêu cực, gây thất thoát tài sản, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Công tác tiếp dân giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo tiếp tục được các cấp, các ngành của tỉnh tăng cường chỉ đạo, đối thoại, tập trung giải quyết có hiệu quả. Trong 6 tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh không xảy ra các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người gây mất ổn định về an ninh trật tự. Toàn tỉnh đã tiếp 1.670 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (giảm 316 lượt so với cùng kỳ năm 2018); tiếp nhận 102 đơn khiếu nại, tố cáo, đã xác minh, giải quyết xong là 34/46 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết đạt 74%.

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua thẩm tra Ban nhận thấy: Việc xử lý kỷ luật các tổ chức, cá nhân có vi phạm xử lý sau thanh tra chưa triệt để. Việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo có vụ việc chậm, trách nhiệm của người đứng đầu tại một số địa phương ở cấp huyện, cấp xã trong công tác giải quyết khiếu nại chưa cao.

4.2. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo triển khai với nhiều biện pháp, giải pháp như: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa; triển khai các cơ quan, đơn vị địa phương thuộc tỉnh tự đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng tại các đơn vị và gửi Thanh tra tỉnh báo cáo tổng hợp. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, các cấp, ngành quan tâm công tác phòng, chống tham nhũng nhiều hơn; ý thức về phòng, chống tham nhũng ngày càng tiến bộ, vi phạm về tham nhũng tài chính ít hơn. Các đơn vị thực thi phòng, chống tham nhũng quyết liệt, trách nhiệm và hiệu quả hơn trước.

⁴ Vụ Ban Quản lý rừng phòng hộ Ayun Pa; Vụ Ban quản lý rừng phòng hộ Đức Cơ.

Tuy nhiên, một số giải pháp phòng ngừa tham nhũng chưa được triển khai đồng bộ, việc tự kiểm tra, tự phát hiện những hành vi tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu; việc chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng còn mang tính hình thức.

Ban Pháp chế HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh trong thời gian tới khắc phục các tồn tại nêu trên; kịp thời xem xét xử lý trách nhiệm cá nhân có sai phạm qua thanh tra hành chính để giáo dục, phòng ngừa; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng gắn với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là tăng cường phòng, chống tham nhũng lãng phí trong nội bộ từng cơ quan.

5. Báo cáo số 91/BC-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh về tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019

Ban Pháp chế HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với báo cáo của UBND tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) trong 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019. Trên cơ sở Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 về Chương trình tổng thể về THTK, CLP năm 2019. Đồng thời, chỉ đạo các cấp, các ngành và UBND các huyện, thành phố xây dựng Chương trình hành động về THTK, CLP năm 2019 của ngành, địa phương mình để triển khai thực hiện, nhằm nâng cao nhận thức của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và người dân về THTK, CLP.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, đã thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh là 585 dự án. Tổng giá trị đề nghị quyết toán là 870.257,322 triệu đồng. Tổng giá trị quyết toán được phê duyệt 869.993,66 triệu đồng. Tổng giá trị giảm trừ qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 263,60 triệu đồng. Thẩm định dự toán kinh phí bổ sung của các đơn vị là 12.776,14 triệu đồng. Số kinh phí thẩm định là 1.803,2 triệu đồng. Số kinh phí tiết kiệm là 883,04 triệu đồng. Đồng thời, Sở Tài chính đã xét duyệt, thẩm định 37/52 đơn vị dự toán cấp tỉnh. Trong đó, số kinh phí đề nghị nộp trả ngân sách nhà nước là 11,1 triệu đồng, số kinh phí đề nghị khôi phục dự toán là 30.022 triệu đồng.

Ban Pháp chế tán thành với một số phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 của UBND tỉnh. Ban Pháp chế đề nghị UBND tỉnh cần có mục đánh giá ưu điểm, tồn tại hạn chế và nguyên nhân để từ đó có cơ sở đưa ra biện pháp cụ thể triển khai thực hiện 6 tháng cuối năm 2019.

6. Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh về tình hình, kết quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật 6 tháng đầu năm 2019

Qua thẩm tra, Ban Pháp chế HĐND tỉnh nhận thấy: Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2019 được giữ vững, ổn định; đã chủ động đấu tranh, triệt phá nhiều điểm, tụ điểm ma túy; đấu tranh tội phạm

tham nhũng, kinh tế, môi trường đạt nhiều kết quả tích cực. Tai nạn giao thông được kiềm chế, giảm 03 chỉ số so với cùng kỳ (giảm 15,25% số vụ, giảm 13,1% số người chết và giảm 21,59% số người bị thương).

Báo cáo của UBND tỉnh đã chỉ ra những hạn chế trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh như: Phạm pháp hình sự tăng so với cùng kỳ, tính chất hậu quả một số loại tội phạm nghiêm trọng hơn như: Tội phạm giết người, xâm hại trẻ em, tội phạm liên quan đến hoạt động cho vay, đòi nợ và tín dụng đen; trộm cắp tài sản tăng và chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu tội phạm hình sự. Tội phạm và tệ nạn xã hội ma túy bị bắt giữ quản lý ngày càng tăng, trong khi công tác cai nghiện ma túy hiệu quả thấp, nhất là cai nghiện tại gia đình và cộng đồng. Đấu tranh tội phạm và vi phạm pháp luật trên lĩnh vực môi trường tuy được quan tâm nhưng còn hạn chế, tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng tiếp tục xảy ra tại nhiều địa phương.

Bên cạnh những nguyên nhân, tồn tại, hạn chế được chỉ ra trong báo cáo, Ban Pháp chế nhận thấy, báo cáo UBND tỉnh chưa đánh giá được tồn tại, hạn chế và vai trò, trách nhiệm của ngành Công an trong việc tổ chức, triển khai thực hiện đấu tranh phòng, chống tham nhũng và vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm.

Ban Pháp chế HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh tăng cường công tác chỉ đạo kết hợp nhiều biện pháp để khắc phục các tồn tại, hạn chế nêu trên và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, phát huy vai trò người đứng đầu ở các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong việc triển khai công tác này.

7. Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2019 (lĩnh vực nội chính)

Ban Pháp chế HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2019 (lĩnh vực nội chính). Trong 6 tháng đầu năm 2019, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh tiếp tục được giữ vững ổn định, các lực lượng duy trì nghiêm kỷ luật quân đội, chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tổ chức tuần tra canh gác, bám địa bàn, nắm dân và phối hợp chặt chẽ với chính quyền cơ sở thực hiện công tác bảo vệ biên giới. Tổ chức tốt công tác phối hợp giữa ba lực lượng công an, quân đội, biên phòng.

Công tác nội vụ: công tác quản lý nhà nước về chính quyền địa phương, công tác cán bộ, quản lý tuyển dụng công chức viên chức, chính sách đối với cán bộ, công chức cũng như quy hoạch, điều động, bổ nhiệm đã thực hiện đúng quy định, kịp thời.

Công tác tư pháp có chuyển biến tích cực, tạo thuận lợi cho các tổ chức, công dân trong việc thực hiện công chứng, chứng thực, hộ tịch. Công tác hòa giải, trợ

giúp pháp lý thực hiện có hiệu quả. Công tác nội vụ, ngoại vụ được duy trì và tăng cường.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Ban Pháp chế nhận thấy, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, UBND tỉnh cần có giải pháp, chỉ đạo quyết liệt khắc phục trong thời gian tới như: Công tác cải cách hành chính chưa được cải thiện; an ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp như: Tình trạng giết người, gây thương tích tăng, tai nạn giao thông có giảm nhưng chưa bền vững, 46% tai nạn giao thông liên quan đến người đồng bào dân tộc thiểu số. Tình trạng vay tín dụng đen, lừa đảo chiếm đoạt tài sản còn xảy ra ở một số địa phương. Việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo có vụ việc còn chậm, trách nhiệm của người đứng đầu tại một số địa phương ở cấp huyện, cấp xã trong công tác giải quyết khiếu nại chưa cao.

II. THẨM TRA CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT DO UBND TỈNH TRÌNH

1. Dự thảo Nghị quyết về việc chia, nhập để thành lập và đặt tên mới thôn, tổ dân phố; đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 1180/TTr-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh)

a. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết

* *Cơ sở pháp lý:*

Thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy chính trị tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng khóa XII và Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2017 của Chính phủ;

Căn cứ điểm e, Khoản 2, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 8 của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/08/2012 và Khoản 5, Điều 1 của Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV thì việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc chia, nhập để thành lập và đặt tên mới thôn, tổ dân phố; đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

* *Cơ sở thực tiễn:* Thực hiện lộ trình sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2018-2021. Trên cơ sở hồ sơ chia, nhập, đổi tên thôn, tổ dân phố của các xã, phường, thị trấn; thẩm định của Sở Nội vụ tại Văn bản số 695/TTr-SNV ngày 24/5/2019, việc HĐND tỉnh ban hành nghị quyết chia, nhập để thành lập và đặt tên mới thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai đổi với 46 thôn, tổ dân phố mới (gồm 32 thôn và 14 tổ dân phố); đổi tên 03 thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai là phù hợp với thực tế khách quan, nguyện vọng của nhân dân, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cấp xã.

b. Nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban Pháp chế HĐND tỉnh thống nhất như dự thảo nghị quyết, tuy nhiên để tạo điều kiện cho các thôn, làng tổ dân phố sau khi chia, nhập và đổi tên mới có thời gian sắp xếp, bố trí nhân sự, hầu hết các Ủy viên Ban Pháp chế đề nghị nên

quy định cụ thể ngày có hiệu lực thi hành nghị quyết như sau: “...và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/8/2019”.

Trên cơ sở các nhận định nêu trên, Ban Pháp chế HĐND tỉnh thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết về việc chia, sáp nhập để thành lập và đặt tên mới thôn, tổ dân phố; đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

2. Dự thảo Nghị quyết về phê duyệt tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổng số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, chỉ tiêu người làm việc tại các tổ chức hội năm 2019 của tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 1336/TTr-UBND ngày 14/6/2019 và Tờ trình số 2167/TTr-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh)

a. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Căn cứ Điều đ, Khoản 2, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 13 và Khoản 3, Điều 14 Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ về quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Các Văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ: Văn bản số 883/BNV-TCBC ngày 27/02/2019 về thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019; văn bản số 3947/BNV-TCBC ngày 16/8/2018 về hướng dẫn xử lý vấn đề biên chế hội; văn bản số 6261/BNV-TCBC ngày 25/12/2018 về việc hướng dẫn liên quan đến quản lý biên chế và văn bản số 233/BNV-TCBC ngày 25/6/2019 về việc bổ sung biên chế sự nghiệp của tỉnh Gia Lai năm 2019.

Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc *phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổng số người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổng số biên chế làm việc tại các tổ chức hội năm 2019 của tỉnh Gia Lai* là đúng thẩm quyền.

b. Nội dung dự thảo Nghị quyết

- Tại phần căn cứ pháp lý của dự thảo nghị quyết đề nghị bổ sung thêm: “Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012

của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập”.

- Tiêu đề và Điều 1 dự thảo Nghị quyết đề nghị sửa cụm từ “...tổng chỉ tiêu người làm việc tại các tổ chức hội” thành “...tổng số biên chế làm việc tại các tổ chức hội” theo như văn bản hướng dẫn số 3947/BNV-TVBC ngày 16/8/2018 của Bộ Nội vụ.

- Tại khoản 3, Điều 1 dự thảo Nghị quyết đề nghị bổ sung cụm từ “theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP” sau cụm từ “...11 lao động hợp đồng”.

Từ các cơ sở trên, Ban Pháp chế thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết về phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tổng số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổng số biên chế làm việc tại các tổ chức hội năm 2019 của tỉnh Gia Lai cụ thể như sau:

- Tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 27.934 người.

- Tổng số hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 1.462 người.

- Tổng số biên chế làm việc tại các tổ chức hội: 113 biên chế làm việc và 11 lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP.

3. Dự thảo Nghị quyết về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị quyết số 123/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định mức chi đối với một số nội dung chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh (Tờ trình số 1297/TTr-UBND ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh)

a. Thẩm quyền ban hành nghị quyết

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc HĐND tỉnh ban hành nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị quyết số 123/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh quy định mức chi đối với một số nội dung chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh là đúng thẩm quyền.

b. Nội dung dự thảo nghị quyết

Qua xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Ban Pháp chế nhận thấy: Một số nội dung chi tại phụ lục Nghị quyết 123/2014/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung quy định chưa rõ ràng, cụ thể các mức chi mà dẫn chiếu áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật khác như:

- Tại mục 2 nội dung mức chi thù lao tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật được viện dẫn áp dụng mức chi Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh để áp dụng quy định chi tiết cho mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Tại mục 3 nội dung chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù viện dẫn áp dụng Điều 4, Thông tư 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Điều 4 Thông tư 76/2018/TT-BTC tiếp tục viện dẫn áp dụng các quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tại mục 4 nội dung chi biên dịch tài liệu bằng tiếng dân tộc thiểu số dẫn chiếu áp dụng mức chi quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 11 của Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

Như vậy, UBND tỉnh chưa quy định mức chi cụ thể như quy định tại Khoản 2, Điều 7 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp: “*Mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại Thông tư liên tịch này là mức chi tối đa; căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế ở địa phương, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp quy định cụ thể mức chi của các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương;... Trường hợp các Bộ, ngành, địa phương chưa ban hành văn bản quy định cụ thể mức chi thì các cơ quan, đơn vị được áp dụng quy định tại Thông tư liên tịch này để thực hiện*”.

Đồng thời, các mức chi tại nội dung chi điểm b, c, d và đ mục 3 của phụ lục kèm theo, quy định lại mức chi như Nghị quyết số 123/2014/NQ-HĐND.

Bên cạnh đó, tại điểm a mục 9 nội dung chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý tủ sách pháp luật hàng năm tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã thuộc các huyện nghèo, cơ quan soạn thảo đã bổ sung thêm đối tượng áp dụng là “*Xã biên giới, xã thuộc các huyện nghèo*”, trong khi khoản 3, Điều 4 Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ chỉ quy định đối tượng là “*Xã đặc biệt khó khăn, cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân*”.

Vì vậy, việc quy định nội dung các mức chi trên chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: “*Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác*”.

Ban Pháp chế không thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết, đề nghị UBND tỉnh xây dựng lại nghị quyết có các mức chi cụ thể và phù hợp với đối tượng thụ hưởng.

4. Dự thảo Nghị quyết về việc đề nghị bãi bỏ Nghị quyết số 26/2004/NQ-CP ngày 10/12/2004 của HĐND tỉnh về việc phê chuẩn phương án thực hiện Nghị quyết số 171/2004/NĐ-CP và Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29/9/2004 của Chính phủ về các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố (Tờ trình số 1325/TTr-UBND ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh)

a. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Căn cứ Điều d, Khoản 2, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 26/2004/NQ-HĐND ngày 10/12/2004 của HĐND tỉnh là đúng thẩm quyền.

b. Nội dung dự thảo Nghị quyết

- Tại Điều 2 đề nghị bỏ cụm từ “*Điều khoản thi hành*” theo đúng quy định mẫu số 16 - Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để trình bày cho phù hợp về mặt thể thức.

Trên cơ sở các nhận định trên, Ban Pháp chế thống nhất thông qua dự thảo nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết 26/2004/NQ-HĐND ngày 10/12/2004 của HĐND tỉnh về việc phê chuẩn phương án thực hiện Nghị quyết số 171/2004/NĐ-CP và Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29/9/2004 của Chính phủ về các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

5. Dự thảo Nghị quyết về việc bãi bỏ nghị quyết do HĐND tỉnh ban hành trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (Tờ trình số 1257/TTr-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh)

a. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Căn cứ Điều d, Khoản 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013 đã có hiệu lực, thay thế Luật Đất đai năm 2003 và các hướng dẫn quy định theo Luật Đất đai năm 2003, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ một số nghị quyết

do HĐND tỉnh ban hành trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường là đúng thẩm quyền.

b. Nội dung dự thảo Nghị quyết

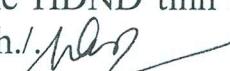
Ban Pháp chế HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh bổ sung và chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị bỏ cụm từ “Điều khoản thi hành” theo đúng quy định mẫu số 16 - Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để trình bày cho phù hợp về mặt thể thức.

Từ các nhận định nêu trên, Ban Pháp chế thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết về việc bãi bỏ một số nghị quyết do HĐND tỉnh ban hành trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Riêng đối với *Nghị quyết số 30/2006/NQ-HĐND ngày 08/12/2006 về việc phê duyệt giá đất khu tái định cư khu đô thị Cầu Sắt và khu quy hoạch tái định cư khu vực Trạm đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ Gia Lai và Nghị quyết số 12/2008/NQ-HĐND ngày 18/7/2008 về việc thông qua giá tính thu tiền sử dụng đất các dự án Khu đô thị Cầu Sắt, khu dân cư - nhà công vụ Quân đoàn 3, khu Trung tâm thương mại Hội Phú của Công ty cổ phần bất động sản VK.High Land* chưa bãi bỏ tại Kỳ họp này, trong khi đó 02 Nghị quyết trên đã được UBND tỉnh kiến nghị bãi bỏ tại *Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 về công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh Gia Lai ban hành định kỳ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2018.*

Đề nghị UBND tỉnh giải trình và làm rõ để đại biểu HĐND tỉnh biết, theo dõi và giám sát.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm tra các báo cáo của UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình. Ban Pháp chế HĐND tỉnh kính trình HĐND tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ Chín xem xét, quyết định./. 

Noi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh(b/c);
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT-PC.

TM. BAN PHÁP CHẾ

KT. TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Tường Linh